

SỰ MẤT CÂN ĐỐI TRONG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC

GS. TS. VÕ THANH THU & ThS. NGÔ THỊ HẢI XUÂN

1. Đặt vấn đề nghiên cứu

Sau gần 22 năm kể từ khi có Luật đầu tư nước ngoài (12/1987-9/2009) VN đã thu hút gần 10.747 dự án với tổng số vốn đăng ký lên gần 168,393 tỷ USD. Các dự án đầu tư nước ngoài (FDI) đã góp phần quan trọng thúc đẩy nền kinh tế VN phát triển nhanh, hội nhập có hiệu quả với nền kinh tế thế giới: năm 2008 các dự án FDI chiếm 18,7% GDP; 57,2% kim ngạch xuất khẩu; 40,2 % giá trị sản lượng công nghiệp. FDI đã giúp phát triển nhiều ngành công nghiệp và sản phẩm của VN: Khu vực có vốn FDI đóng góp 100% sản lượng của một số sản phẩm công nghiệp như dầu khí, ô tô, máy giặt, điều hoà, tủ lạnh, thiết bị máy tính; 60% cán thép; 28% xi măng; 33% máy móc thiết bị điện - điện tử; 76% dụng cụ y tế chính xác; 55% sản lượng sợi; 49% sản lượng da giày... Tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực có

vốn FDI luôn duy trì ở mức cao. Các dự án đầu tư năm 2009 đã thu hút trực tiếp gần 1,67 triệu lao động và giải quyết gián tiếp hàng trăm ngàn lao động khác. VN đang giữ kỷ lục trong gần 10 năm qua, là 1 trong 5 nước có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới; trong đó có đóng góp không nhỏ của hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tuy nhiên, bên cạnh các thành tựu, hoạt động FDI còn bộc lộ nhiều tồn tại, trong đó tồn tại lớn nhất là có sự mất cân đối về hoạt động đầu tư FDI.

2. Những điểm mất cân đối trong hoạt động đầu tư FDI

2.1 Mất cân đối trong thu hút đầu tư vào các vùng miền, địa phương

Các dự án đầu tư FDI chủ yếu đăng ký và triển khai tại các địa phương có cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực tốt “tương đối” so với cả nước (Bảng 1)

Bảng 1: Tình hình thu hút vốn FDI theo vùng kinh tế của VN (1988-9/2009)

STT	Vùng kinh tế	Dự án FDI		Vốn FDI đăng ký		Vốn FDI thực hiện	
		Số dự án	Tỷ trọng %	GT Triệu USD	Tỷ trọng %	GT Triệu USD	Tỷ trọng %
1	Đồng bằng sông Hồng	2.654	24,70	31.938,82	18,97	11.835,66	21,15
2	Đông Bắc	355	3,30	2.664,53	1,58	1.136,27	2,03
3	Tây Bắc	38	0,35	207,892	0,12	62,03	0,11
4	Bắc Trung Bộ	132	1,23	17.587,70	10,44	3.737,07	6,68
5	Duyên hải Nam Trung bộ	388	3,61	14.921,66	8,86	3.764,73	6,73
6	Tây Nguyên	135	1,26	751,40	0,45	388,46	0,69
7	Đông Nam Bộ	6.560	61,04	90.071,14	53,49	29.066,37	51,84
8	Đồng bằng sông Cửu long	442	4,11	7.695,55	4,57	3.770,38	6,74
9	Dầu khí	43	0,40	2.554,19	1,52	2.187,19	3,91
	Tổng cộng	10.747	100	168.392,88	100	55.948,16	100

Nguồn: Tính toán từ số liệu Bộ Kế hoạch & Đầu tư

KÍCH THÍCH KINH TẾ & CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Đầu tư nước ngoài chủ yếu tập trung ở 2 vùng kinh tế lớn nhất nước: vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đông Nam Bộ chiếm 85,74 % các dự án ; 72,46 % vốn đăng ký; 73 % vốn thực hiện. Sự mất cân đối trong thu hút vốn FDI theo địa phương dẫn tới các hậu quả sau:

- Mất cân đối trong phát triển kinh tế và xã hội giữa các vùng miền trong một nước.

2.2 Mất cân đối trong thu hút vốn FDI theo ngành kinh tế

Những dự án FDI nhằm khai thác tài nguyên, sử dụng nhân công lao động nhiều, mang hàm lượng công nghệ thấp lại chiếm tỷ trọng cao trong khi các ngành mang tính động lực, nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật của VN chưa thu hút được nhiều các dự án đầu tư (Bảng 2)

Bảng 2: Tình hình thu hút vốn FDI theo ngành kinh tế của VN (1988-9/2009)

Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Vốn điều lệ (USD)	Tỷ trọng dự án	Tỷ trọng vốn đăng ký
CN chế biến, gia công, chế tạo	6.692	88.374.518.221	29.398.340.885	62,3%	52,5%
Kinh doanh bất động sản	315	36.372.102.638	9.231.303.889	2,9%	21,6%
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	261	10.739.611.189	2.304.888.420	2,4%	6,4%
Xây dựng	478	9.139.551.330	3.256.346.023	4,4%	5,4%
Thông tin và truyền thông	546	4.652.483.917	2.899.620.252	5,1%	2,8%
Nghệ thuật và giải trí	116	3.678.489.178	1.045.413.799	1,1%	2,2%
Khai khoáng	64	3.078.076.547	2.384.555.156	0,6%	1,8%
Nông, lâm nghiệp, thủy sản	477	2.987.827.405	1.465.474.502	4,4%	1,8%
Vận tải kho bãi	290	2.241.305.704	842.317.375	2,7%	1,3%
SX, pp điện, khí, nước, đ.hòa	44	2.141.161.675	665.985.653	0,4%	1,3%
Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	72	1.181.695.080	1.084.363.000	0,7%	0,7%
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	263	1,149,145,768	513.000.453	2,4%	0,7%
Y tế và trợ giúp XH	62	952.625.273	234.281.705	0,6%	0,6%
Dịch vụ khác	72	607.932.000	133.937.644	0,7%	0,4%
HD chuyên môn, KHCN	766	589.110.495	266.628.241	7,1%	0,3%
Giáo dục và đào tạo	124	267.709.416	103.868.210	1,2%	0,2%
Hành chính và dịch vụ hỗ trợ	88	180.412.926	81.012.516	0,8%	0,1%
Cấp nước, xử lý chất thải	17	59.123.000	36.823.000	0,2%	0,0%
Tổng số	10.747	168.392.881.762	55.948.160.723	100%	100%

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư

- Mức độ hội nhập kinh tế của các địa phương khác nhau.

- Quá tải về khai thác cơ sở hạ tầng ở nhiều tỉnh, thành phố như TP.HCM, Đồng Nai, Hà Nội... (nơi có nhiều dự án FDI) dẫn đến tình trạng thiếu điện, nước, kẹt xe cộ, ô nhiễm môi trường v.v..

- Nạn di dân tự do không kiểm soát, dẫn tới bất ổn nguồn nhân lực, việc quản lý xã hội trở nên khó khăn ở cả nơi người lao động đi kiếm việc làm lẫn nơi tiếp nhận lao động.

Bảng 2 cho thấy: Các ngành công nghiệp chế biến, gia công, lắp ráp (như: dệt may, gia công giày dép, sản xuất đồ gỗ, lắp ráp ô tô, hàng điện tử, sản xuất xi măng, khai thác titan, bôxít, dầu mỏ...) chiếm tỷ trọng 62,3 % số dự án FDI và 52,5 % vốn đăng ký. Các dự án này góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy nền kinh tế VN chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa. Ngành kinh doanh bất động sản mới thực sự mở cửa cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong khoảng 5-6 năm gần đây nhưng được nhiều nhà

KÍCH THÍCH KINH TẾ & CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

đầu tư quan tâm: có 315 dự án chiếm 2,9% nhưng thu hút 9,23 tỷ USD, chiếm 21,6 % vốn FDI đăng ký. Qua bảng này ta cũng thấy: Tỷ lệ đầu tư FDI vào dịch vụ và kinh doanh cơ sở hạ tầng, đầu tư vào ngành nông nghiệp... còn thấp. Hậu quả của mất cân đối đầu tư FDI theo ngành :

- Trình độ khoa học kỹ thuật của nền kinh tế VN chậm cải thiện.

- Sự ảnh hưởng mang tính lan tỏa đến các ngành kinh tế nội địa của các dự án FDI có nhiều hạn chế.

- Ô nhiễm môi trường gia tăng tác động xấu đến đời sống và sự phát triển bền vững của nền kinh tế VN.

thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài ngày càng chiếm tỷ trọng áp đảo: 77,54% số dự án và 60,81% vốn đầu tư. Sự chênh lệch trong thu hút vốn FDI giữa 2 hình thức 100% vốn nước ngoài và liên doanh đầu tư đã tác động không nhỏ đến khả năng tiếp thu kinh nghiệm quản lý kinh doanh và công nghệ từ đối tác nước ngoài. Người VN có thể vẫn tham gia lãnh đạo công ty 100% vốn FDI nhưng với tư cách làm thuê thay vì làm chủ như trong trường hợp các dự án liên doanh đầu tư. Số dự án đầu tư vào cơ sở hạ tầng thông qua hình thức BOT, BT, BTO còn quá ít so với nhu cầu của nền kinh tế.

Bảng 3: Tình hình đầu tư FDI theo hình thức đầu tư thời kỳ 1988-9/2009

Hình thức đầu tư	Dự án		Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)		Vốn điều lệ (USD)	
	Số lượng	Tỷ trọng %	Trị giá đầu tư	Tỷ trọng %	Trị giá đầu tư	Tỷ trọng %
100% vốn nước ngoài	8.333	77,54	102.392.134.883	60,81	33.869.189.952	60,54
Liên doanh	1.995	18,56	54.484.720.203	32,36	15.690.017.834	28,04
Hợp đồng hợp tác KD	221	2,06	4.961.177.440	2,95	4.479.464.521	8,01
Công ty cổ phần	188	1,75	4.710.116.236	2,80	1.359.545.416	2,45
Hợp đồng BOT,BT,BTO	9	0,08	1.746.725.000	1,04	466.985.000	0,83
Công ty mẹ con	1	0,01	98.008.000	0,06	82.958.000	0,15
Tổng số	10.747	100	168.392.881.762	100	55.948.160.723	100

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư

- Tài nguyên thiên nhiên giảm.

- Các ngành công nghiệp phụ trợ cung cấp nguyên vật liệu cho các ngành kinh tế chủ đạo chưa hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, dẫn tới nền kinh tế của ta bị lệ thuộc cao vào nguồn nhập khẩu. Đây cũng là nguyên nhân dẫn tới VN trở thành nước nhập siêu lớn nhất trong ASEAN.

- Tỷ trọng đầu tư FDI vào lĩnh vực dịch vụ còn thấp, tỷ lệ vốn đầu tư vào các dự án gia công còn lớn là một trong những nguyên nhân làm cho giá trị gia tăng thêm tại VN không cao, hiệu quả kinh tế- xã hội thấp.

2.3 Mất cân đối trong thu hút vốn FDI theo hình thức đầu tư

Trong 10 năm đầu kể từ khi có Luật đầu tư nước ngoài, các dự án liên doanh đầu tư chiếm tỷ trọng trên 50% tổng số các dự án FDI, thì nay chỉ còn lại 18,56% dự án và 32,36% vốn đầu tư. Hình

2.4 Mất cân đối trong thu hút FDI theo đối tác đầu tư

Tính đến hết tháng 9 năm 2009, VN đã thu hút vốn từ 88 nước và khu vực lãnh thổ nhưng chủ yếu từ các nước châu Á trong khu vực. Đặc biệt khu vực nói tiếng Hoa (Trung Quốc, Đài Loan, Hồng Kông, Macao) chiếm gần 30% tổng dự án FDI và gần 35% tổng vốn đăng ký đầu tư. Sự mất cân đối trong thu hút vốn FDI theo đối tác dẫn tới các hạn chế:

- Khả năng tiếp thu công nghệ nguồn bị hạn chế.

- Thu hút đầu tư tập trung nhiều vào 10 nước (Bảng 4) với 8.328 dự án, chiếm 77,49% dự án FDI và tổng số vốn đăng ký là 134 tỷ 495 triệu USD, chiếm 79,87 %. Do vậy, bất cứ sự biến động nào về kinh tế chính trị của các quốc gia này đều tác động tới hoạt động đầu tư FDI tại VN.

KÍCH THÍCH KINH TẾ & CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

Bảng 4: Tình hình thu hút FDI theo đối tác đầu tư từ năm 1988-9/2009

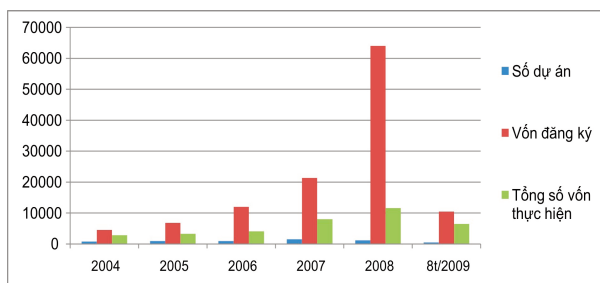
Đối tác	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (triệu USD)
Đài Loan	2.027	21.288
Hàn Quốc	2.284	20.456
Malaysia	331	18.057
Nhật	1.171	17.687
Singapore	746	16.904
British Virgin Islands	446	13.157
Mỹ	470	8.652
Hồng Kông	553	7.754
Thái Lan	211	5.744
Canada	89	4.796
Tổng 10 nước	8.328(77,49%)	134.495(79,87%)

Nguồn: Bộ Kế hoạch & Đầu tư

2.5 Có sự mất cân đối giữa vốn đăng ký và vốn triển khai trong hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài

Qua Bảng 1 ta thấy vốn thực hiện chỉ chiếm 33,22 % so với tổng vốn đăng ký đầu tư FDI, điều này phản ánh tình hình triển khai hoạt động của các dự án có vốn đầu tư FDI còn chậm, nhiều “siêu” dự án FDI mà số vốn đầu tư mỗi dự án lên vài tỷ USD ở Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Trung Trung Bộ, TP.HCM... sau khi được cấp giấy phép không thể triển khai được. Vấn đề đặt ra ở đây là công tác thẩm định dự án và các biện pháp chế tài đối với phía nước ngoài trong triển khai dự án. Mặt khác phải xem lại chính sách giám sát hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai dự án.

Sơ đồ 1: Tình hình đăng ký và thực hiện vốn đầu tư FDI



2.6 Mất cân đối trong sự quan tâm thu hút vốn đầu tư FDI và quan tâm đến bảo vệ môi trường

Thật vậy, trong 10 năm qua, công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài được đẩy mạnh từ Trung ương tới các địa phương. Ngoài cơ quan xúc tiến đầu tư quốc gia, thì gần như tỉnh nào cũng cho ra đời trung tâm xúc tiến thương mại và đầu tư trực thuộc Ủy ban Nhân dân. Công tác cấp giấy chứng nhận đầu tư FDI được hoàn thiện, có tính chỉ cấp trong 3 ngày kể từ khi nhận được bộ hồ sơ đầy đủ; nhiều dự án FDI không cần qua khâu thẩm định, phía nước ngoài chỉ đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, công tác quản lý và giám sát môi trường bị buông lỏng trong tất cả các khâu quản lý từ khâu cấp giấy phép đầu tư đến khâu xây dựng, triển khai dự án; hình thức xử phạt không có tính răn đe. Hậu quả môi trường sống ở những nơi có hoạt động đầu tư bị ô nhiễm nặng. Ví dụ, theo Cục Cảnh sát Môi trường công bố ngày 7/12 thì đến năm 2009 các khu chế xuất, khu công nghiệp (KCX-KCN) ở phía Nam, nơi tập trung nhiều các dự án FDI, có tới trên 70% chưa xây dựng hệ thống chất thải rắn và lỏng, đáng lo ngại hơn ở nhiều KCX-KCN có hệ thống xử lý nhưng việc lập ra chúng chỉ mang tính đối phó, không sử dụng chúng, mà chủ đầu tư xây dựng hệ thống “ngầm” thải thẳng ra môi trường gây ô nhiễm trên diện rộng. Những vụ gây thiệt hại như Vedan không phải là trường hợp cá biệt.

3. Những nhân tố tác động đến sự mất cân đối trong thu hút vốn đầu tư FDI

Những nhân tố khách quan

- Các vùng miền có lợi thế cạnh tranh với mức độ khác nhau dẫn tới khả năng thu hút đầu tư FDI khác nhau.

- Lợi thế lớn nhất của VN là lao động phổ thông: với dân số trên 87 triệu người (đứng thứ 13 trên thế giới về dân đông); giá nhân công tương đối thấp so với nhiều nước, người lao động thông minh, cần cù... nên hấp dẫn các dự án sử dụng nhiều lao động phổ thông như ngành dệt may, gia công giày dép, lắp ráp sản phẩm điện, điện tử, chế biến gỗ... Những ngành này trình độ công nghệ thấp.

- Nhìn chung các doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp trên thế giới không có nhiều tích lũy như các ngành công nghiệp hoặc dịch vụ, hơn thế nữa Nhà đầu tư khi đầu tư ra nước ngoài ở miền khí hậu và thổ nhưỡng khác, sản phẩm nông sản khác, họ không có nhiều kinh nghiệm và lợi thế. Đây là nguyên nhân khách quan khiến tỷ lệ và

KÍCH THÍCH KINH TẾ & CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

vốn đầu tư FDI vào ngành nông nghiệp VN hạn chế.

- Nhiều ngành công nghệ cao, kỹ thuật tiên tiến ở các nước công nghiệp phát triển bị đưa vào danh mục cấm xuất khẩu ra nước ngoài dưới hình thức thương mại hoặc đầu tư

Những nhân tố chủ quan

- Chiến lược thu hút vốn đầu tư chưa gắn kết với chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng của từng địa phương, của quốc gia. Những vùng kinh tế còn ít dự án FDI, chưa xây dựng chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng mang tính hiện thực nhằm thu hút các nhà đầu tư. Chính cơ sở hạ tầng yếu kém là trở ngại lớn nhất cho thu hút đầu tư FDI nói riêng và đầu tư nói chung.

- Chiến lược phát triển nguồn nhân lực chưa gắn với chiến lược thu hút đầu tư theo ngành ở các địa phương. Nhiều địa phương nguồn nhân lực chưa có sẵn, nhưng vẫn kêu gọi đầu tư. Ví dụ tỉnh T là tỉnh miền núi phía Bắc, nguồn nhân lực chưa có sẵn nhưng dự án ưu tiên thu hút của tỉnh là phát triển công nghiệp điện tử. Hay ngay tại TP.HCM, công ty I của Mỹ chưa phát triển nhanh và có hiệu quả vì thiếu kỹ sư và chuyên gia công nghệ thông tin. Đây cũng là nguyên nhân gây trở ngại cho thu hút dự án FDI có hàm lượng công nghệ cao.

- Chủ yếu các cấp quản lý nhà nước mới quan tâm nhiều tới khâu tiền đầu tư: quảng bá, xúc tiến đầu tư; hoàn thiện thủ tục hành chính trong khâu cấp giấy phép; chưa quan tâm thỏa đáng trong hỗ trợ các nhà đầu tư triển khai dự án: giải phóng mặt bằng để kịp thời giao đất; chưa đáp ứng yêu cầu một cách kịp thời cơ sở hạ tầng: điện nước, Internet; kết nối giao thông giữa nơi triển khai dự án với các tuyến đường giao thông quốc gia; đào tạo nguồn nhân lực v.v..

- Cơ chế ưu đãi đầu tư công nghệ cao còn phức tạp, chưa khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài (Có dự án của Nhật tại TP.HCM: tại Nhật được xếp vào ngành công nghệ cao, nhưng đến khi vào VN thủ tục xin xác nhận là công nghệ cao phải mất vài năm).

- Cơ chế khuyến khích đầu tư vào phát triển cơ sở ở VN dưới các hình thức BOT, BT, BTO chưa hấp dẫn và thiếu tính nhất quán.

- Chưa có chính sách biện pháp khuyến khích đầu tư nước ngoài phát triển công nghệ phụ trợ, nông - lâm nghiệp tại VN.

- Cơ chế chính sách kiểm soát môi trường còn nhiều lỗ hổng tác động không nhỏ đến hiện tượng ô nhiễm môi trường như hiện nay.

4. Những giải pháp khắc phục tình trạng mất cân đối trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài

- Cần đổi mới phương pháp tư duy và phương pháp lập các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế: Quy hoạch phát triển địa phương và ngành phải gắn với các quy hoạch phát triển cơ sở hạ tầng, quy hoạch đào tạo nguồn nhân lực. Muốn giảm sự mất cân đối theo địa phương thì Nhà nước phải có chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực theo hướng để mỗi tỉnh phát huy cao nhất các lợi thế của địa phương. Ví dụ TP.HCM đầu tư giao thông vận tải, cảng biển, hạ tầng cơ sở để phát huy thế mạnh là trung tâm hậu cần của hoạt động kinh tế phía Nam và hỗ trợ đầu tư nguồn nhân lực cho phát triển công nghệ thông tin, những ngành công nghệ cao...; còn ĐBSCL, bên cạnh phát triển mạng lưới giao thông đường thủy và đường bộ thì đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho nông nghiệp (thủy lợi, hệ thống kho chứa nông sản...) cũng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài tới phát triển công nghiệp chế biến nông lâm-thủy hải sản.



KÍCH THÍCH KINH TẾ & CÁC GIẢI PHÁP TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

- Ngoài ra, để giảm bớt sự mất cân đối trong thu hút đầu tư theo vùng miền của đất nước thì ngoài vấn đề hoàn thiện cơ chế ưu đãi về thuế, về tiền thuê đất thì Chính phủ quan tâm đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực ở những vùng kinh tế thu hút vốn đầu tư FDI còn nhiều khó khăn. TP.HCM, Hà Nội hạn chế thu hút các dự án thâm dụng lao động và dự án gây ô nhiễm khó có khả năng kiểm soát. Ở các vùng nông nghiệp như ĐBSCL không thu hút các dự án có khả năng gây ô nhiễm nguồn nước, đất.

- Hoàn thiện cơ chế thu hút đầu tư nước ngoài vào các ngành công nghệ cao theo hướng: Các tiêu chí đánh giá công nghệ cao của các doanh nghiệp FDI phải đơn giản, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế phổ biến; các biện pháp ưu đãi đầu tư vào ngành công nghệ cao phải hấp dẫn, mang tính cạnh tranh so với các nước trong khu vực. Ngoài ra, từ Trung ương đến địa phương phải quan tâm thực hiện tốt vấn đề bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ. Nhóm giải pháp này sẽ giúp nâng cao tỷ trọng đầu tư vào ngành công nghệ cao góp phần khắc phục sự mất cân đối trong thu hút vốn FDI theo ngành kinh tế hiện nay ở VN vì thu hút các dự án FDI chủ yếu trong các ngành công nghệ trung bình, thâm dụng lao động lớn.

- Đổi mới công tác xúc tiến đầu tư: từ hoạt động xúc tiến chung theo thị trường sang xúc tiến đầu tư theo địa chỉ nhằm lôi kéo trực tiếp các nhà đầu tư đa quốc gia có trình độ công nghệ cao, hoặc có khả năng tạo ảnh hưởng tới sự phát triển các ngành kinh tế nội địa vào VN đầu tư. Với giải pháp này phần nào giải quyết vấn đề mất cân đối trong thu hút vốn đầu tư từ các đối tác FDI.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm soát vấn đề ô nhiễm môi trường trong tất cả các khâu của quá trình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp: Công bố danh sách hạn chế thu hút vốn đầu tư do có ô

nhiễm; thẩm định cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với tất cả các dự án FDI có khả năng gây ô nhiễm; kiểm tra bắt buộc về năng lực xử lý ô nhiễm, trước khi dự án đi vào hoạt động; có biện pháp chế tài mạnh kể cả đóng cửa đối với các dự án gây ô nhiễm. Sự quan tâm mang tính “cân đối” giữa tăng cường thu hút vốn FDI và thắt chặt quản lý môi trường sẽ đảm bảo sự phát triển bền vững cho nền kinh tế VN.

- Mỗi tỉnh, thành phố nên lập bộ phận hỗ trợ các doanh nghiệp triển khai dự án đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch & Đầu tư. Bộ phận này theo dõi tiến độ triển khai và là đầu mối tháo gỡ khó khăn do cơ chế chính sách và cơ sở hạ tầng cho các dự án đầu tư FDI. Giải pháp này sẽ giúp các dự án FDI mau triển khai, tăng tỷ lệ vốn thực hiện lên, giảm bớt sự mất cân đối giữa vốn đăng ký và vốn thực hiện.

VN ngày càng hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài, nhưng để chủ động tiếp nhận có hiệu quả nguồn vốn FDI thì việc áp dụng đồng bộ các giải pháp nhằm giảm sự mất cân đối trong thu hút vốn FDI có ý nghĩa cấp thiết và thực tiễn cao■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu Bộ Kế hoạch & Đầu tư :Thống kê đầu tư trực tiếp nước ngoài đến tháng 9 năm 2009.
2. Bộ Kế hoạch & Đầu tư: www.mpi.gov.vn
3. Cục Đầu tư nước ngoài: <http://fia.mpi.gov.vn>
4. Tổng cục Thống kê: <http://www.gso.gov.vn>
5. Bộ Ngoại giao VN: <http://www.mofa.gov.vn/vi>
6. Bộ Tài chính: <http://www.mof.gov.vn>
7. Bộ Công thương: <http://www.moit.gov.vn>

